

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 12 - 8 - 2020

V/v ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh, bà Trịnh Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lương – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị V, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình Q, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày:

Chị V và anh Nguyễn Đình Q tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 07/3/2012 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q không lo làm ăn, ham chơi dẫn đến nợ nần, đánh đập vợ con, không lo làm ăn phát triển kinh tế trong gia đình, hay bỏ nhà đi. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng tôi sống ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn với anh Q.

Về con chung:

1. Cháu Nguyễn Thị Hồng A, sinh ngày 27/6/2013

2. Cháu Nguyễn Thị Gia H1, sinh ngày 10/9/2016

3. Cháu Nguyễn Thị Gia L, sinh ngày 09/10/2018

Theo đơn khởi kiện thì chị V yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung. Quá trình giải quyết vụ án chị V, anh Q tự nguyện thỏa thuận giao 03 con chung cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi vì hiện nay anh Q có công việc và thu nhập ổn định hơn. Chị V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/1cháu/1tháng. Chị V hiện buôn bán nước và trái cây, thu nhập hàng tháng khoảng 06 triệu/1tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Đình Q trình bày: Qua lời trình bày của chị V về hôn nhân, con chung như trên là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh Q xác định trước đây có cờ bạc, không quan tâm đến gia đình. Tuy nhiên, từ năm 2018 cho đến nay anh Q không còn cờ bạc và đã quan tâm đến gia đình, cũng phụ giúp vợ buôn bán, chăm lo làm ăn, thời gian trước đây anh Q có nhiều lỗi lầm với vợ con, anh Q hứa sẽ nhận lỗi và sửa chữa lỗi lầm của mình, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay. Nay anh Q thấy vẫn còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị V.

Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì giữa anh Q và chị V tự nguyện thỏa thuận, anh Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung cháu Nguyễn Thị Hồng A, sinh ngày 27/6/2013; cháu Nguyễn Thị Gia H1, sinh ngày 10/9/2016; cháu Nguyễn Thị Gia L, sinh ngày 09/10/2018 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Q đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay anh Q làm buôn bán trái cây, thu nhập hàng tháng khoảng từ 10 triệu đến 15 triệu/1tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Qua biên bản xác minh ngày 28/5/2020 về tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị V và anh Nguyễn Đình Q thì Chính quyền địa phương cho biết: Chị V và anh Q lấy nhau từ năm 2012, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại Thôn T, xã H, huyện K. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q uống rượu, ham chơi dẫn đến nợ nần, kinh tế gia đình không ổn định, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng anh Q, chị V hiện đang sống ly thân.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56; Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị V. Cho chị Trần Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Đình Q.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của chị V và anh Q. Giao 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng A, sinh ngày 27/6/2013; cháu Nguyễn Thị Gia H1, sinh ngày 10/9/2016; cháu Nguyễn Thị Gia L, sinh ngày 09/10/2018 cho anh Nguyễn Đình Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị V về việc cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/1 cháu/1 tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Chị Trần Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Đình Q có nơi cư trú tại Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là Ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị V với anh Nguyễn Đình Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K vào ngày 07 tháng 3 năm 2012. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, cũng như quá trình tham gia tố tụng chị V và anh Q đều thừa nhận: Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình, ham chơi, nợ nần dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh Q hay bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay. Anh Q cho rằng hiện nay đã tu chí làm ăn, vẫn còn yêu thương vợ, nhưng hiện nay vẫn không có biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần động viên chị V trở lại đoàn tụ với anh Q nhưng không thành. Tại phiên tòa chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Q. Như vậy, HĐXX xác định quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giải quyết cho chị V được ly hôn với anh Q.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị V, anh Q có 03 con chung: Cháu Nguyễn Thị Hồng A, sinh ngày 27/6/2013; cháu Nguyễn Thị Gia H1, sinh ngày 10/9/2016; cháu Nguyễn Thị Gia L, sinh ngày 09/10/2018. Theo đơn khởi kiện chị V có nguyện vọng được nuôi dưỡng 03 con chung, quá trình giải quyết vụ án chị V và anh Q tự nguyện thỏa thuận giao 03 con chung cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Giao 03 con chung: Cháu Nguyễn Thị Hồng A, sinh ngày 27/6/2013; cháu Nguyễn Thị Gia H1, sinh ngày 10/9/2016; cháu Nguyễn Thị Gia L, sinh ngày 09/10/2018 cho anh Nguyễn Đình Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Trần Thị V tự nguyện cấp dưỡng nuôi 03 con chung 1.000.000 đồng/1cháu/1tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh Q yêu cầu chị V cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Xét thấy, chị V làm nghề buôn bán trái cây, hàng tháng thu nhập khoảng 6.000.000 đồng, do đó để đảm bảo cuộc sống của chị V cũng như điều kiện mọi mặt của các con. HĐXX xét thấy, cần chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị V về việc cấp dưỡng nuôi 03 con chung 1.000.000 đồng/1cháu/1tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 58, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị V.
- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Đình Q
- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Trần Thị V và anh Nguyễn Đình Q. Giao 03 con chung Nguyễn Thị Hồng A, sinh ngày 27/6/2013; cháu Nguyễn Thị Gia H1, sinh ngày 10/9/2016; cháu Nguyễn Thị Gia L, sinh ngày

09/10/2018 cho anh Nguyễn Đình Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Chị Trần Thị V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị V tự nguyện cấp dưỡng nuôi 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng A, sinh ngày 27/6/2013; cháu Nguyễn Thị Gia H1, sinh ngày 10/9/2016; cháu Nguyễn Thị Gia L, sinh ngày 09/10/2018 số tiền 1.000.000 đồng/1cháu/1tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

2. Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số AA/2019/0007325 ngày 24/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Chị Trần Thị V phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí về cấp dưỡng.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- UBND xã H, huyện K;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đình Nam